|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II MÔN TOÁN 9**  **NĂM HỌC 2024-2025**  *Thời gian làm bài*: *90 phút* (*Không tính thời gian phát đề)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/Chủ đề**  (2) | **Nội dung/ đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá**  (4-11) | | | | | | | | **Tổng % điểm**  (12) |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Hàm số . Phương trình bậc hai một ẩn** | * 1. Hàm số | 1TN  0,25 |  | 1TN  0,25 | 1  0,5 |  |  |  |  | 60 |
| 1.2. Phương trình bậc hai một ẩn | 2TN  0,5 | 1  1,0 |  |  |  |  |  |  |
| 1.3. Định lí Viète và ứng dụng | 1TN  0,25 |  | 1TN  0,25 | 1  1,0 |  |  |  | 1\*\*  1,0 |
| 1.4. Giải bài toán bằng cách lập phương trình |  |  |  |  |  | 1  1,0 |  |  |
| **2** | **Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp** | 2.1. Góc nội tiếp | 1TN  0,25 |  |  |  |  | 1\*  1,0 |  |  | 35 |
| 2.2. Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một tam giác | 1TN  0,25 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.3. Tứ giác nội tiếp. | 1TN  0,25 | 1  0,5 |  | 1  1,0 |  | 1\*  1,0 |  | 1\*\*  1,0 |
| 2.4. Đa giác đều | 1TN  0,25 |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Một số hình khối trong thực tiễn** | 3.1. Hình trụ và hình nón | 2TN  0,5 |  |  |  |  |  |  |  | 5 |
| **Tổng** | | | **10**  **2,5** | **2**  **1,5** | **2**  **0,5** | **3**  **2,5** |  | **2**  **2,0** |  | **1**  **1,0** | 100  10,0 |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100** |

Ghi chú: 1\* Mức độ vận dụng chọn một trong hai ý

1\*\* Mức độ vận dụng cao chọn một trong hai ý

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II MÔN TOÁN 9**  **NĂM HỌC 2024 – 2025**  *Thời gian làm bài*: *90 phút* (*Không tính thời gian phát đề)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Hàm số . Phương trình bậc hai một ẩn** | 1.1**.** Hàm số | **Nhận biết**  - Nhận biết dạng đồ thị của hàm số bậc hai.  - Nhận biết một điểm có tọa độ cho trước có thuộc hay không thuộc đồ thị hàm số đồ thị hàm số  Câu 1 (TN)  **Thông hiểu**  - Xác định hai điểm phân biệt thuộc đồ thị hàm số với hệ số a nguyên.  - Xác định được hệ số a khi biết đồ thị hàm số đi qua một điểm cho trước có tọa độ nguyên.  - Vẽ được đồ thị hàm số  Câu 2 (TN); Câu 13 (TL) | 1TN  (0,25đ) | 1TN  (0,25đ)  1 TL  (0,5đ) |  |  |
| 1.2. Phương trình bậc hai một ẩn | **Nhận biết**  - Nhận biết được các hệ số của phương trinh bậc hai một ẩn.  - Nhận biết được một số nguyên có phải là nghiệm của phương trình bậc hai một ẩn.  - Hiểu được số nghiệm của một phương trình bậc hai.  - Tìm điều kiện của tham số để phương trình bậc hai một ẩn có nghiệm  - Giải được phương trình bậc hai một ẩn với hệ số nguyên ở dạng đơn giản.  Câu 3,4 (TN), Câu 14a (TL) | 2 TN  (0,5đ)  1 TL  (1,0đ) |  |  |  |
| 1. **3.** Định lí Viète và ứng dụng | **Nhận biết**  - Nhận biết được hệ số a,b,c của phương trình bậc hai một ẩn để xác định tổng hoặc tích hai nghiệm của phương trình  - Nhận biết được tổng và tích của phương trình bậc hai.  Câu 5(TN)  **Thông hiểu:**  - Hiểu được khi nào thì phương trình bậc hai một ẩn có nghiệm bằng 1 hoặc bằng -1  - Xác định được giá trị của tham số thỏa mãn điều kiện cho trước của phương trình bậc hai Câu 6 (TN), Câu 14b (TL)  **Vận dụng cao**  - Vận dụng được định lý Viet để giải quyết bài toán gắn liền với thực tế.  Câu 16c\*\*(TL) | 1 TN  (0,25đ) | 1 TN  (0,25đ)  1 TL  (1,0đ) |  | 1 \*\* TL  (0,5đ) |
| 1.4. Giải bài toán bằng cách lập phương trình | **Vận dụng**  Giải quyết được bài toán giải toán bằng cách lập phương trình có yếu tố hình học, toán năng suất, chuyển động. |  |  | 1 TL  (1,0đ) |  |
| **2** | **Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp** | 2.1. Góc nội tiếp | **Nhận biết**  - Nhận biết được góc nội tiếp trong đường tròn  - Nhận biết được cung bị chắn bởi góc nội tiếp của một đường tròn.  Câu 7 (TN)  **Vận dụng**  - Tính được số đo góc nội tiếp trong đường tròn  Câu 16b\*(TL) | 1TN  (0,25đ) |  | 1\* TL  (1,0đ) |  |
| 2.2. Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một tam giác | **Nhận biết**  -Nhận biết được đường tròn ngoại tiếp tam giác  - Nhận biết được đường tròn nội tiếp tam giác  - Nhận biết được tâm và bán kính của đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một tam giác .  Câu 8 (TN) | 1TN  (0,25đ) |  |  |  |
| 2.3. Tứ giác nội tiếp. | **Nhận biết**  -Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn  -Nhận biết được số đo một góc của tứ giác nội tiếp khi biết số đo góc đối của nó.  Câu 9 (TN), Câu 15 (TL)  **Thông hiểu**  - Xác định được một tứ giác nội tiếp một đường tròn.  Câu 16a (TL)  **Vận dụng**  - Vận dụng được tính chất tứ giác nội tiếp để giải quyết bài tập về tứ giác nội tiếp đường tròn  Câu 16b\*(TL)  **Vận dụng cao**  - Vận dụng được tính chất tứ giác nội tiếp để chứng minh các tính chất hình học  Câu 16c\*\*(TL) | 1TN  (0,25)  1TL  (0,5đ) | 1TL  (1,0đ) | 1\* TL  (1,0đ) | 1\*\* TL  (1,0đ) |
|  |  | 2.4. Đa giác đều | **Nhận biết**  -Nhận dạng được đa giác đều.  - Nhận biết được những hình phẳng có dạng đa giác đều trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc,...  - Nhận biết được phép quay.  Câu 10 (TN) | 1TN  (0,25) |  |  |  |
| **3** | **Một số hình khối trong thực tiễn** | 3.1. Hình trụ và hình nón | **Nhận biết**  -Nhận biết hình trụ, diện tích xung quanh và thể tích hình trụ.  -Nhận biết hình nón, diện tích xung quanh và thể tích hình nón.  Câu 11; 12 (TN) | 2TN  (0,5) |  |  |  |
| **Tổng số câu** | | |  | 10 TN,  2 TL | 2 TN  3TL | 2TL | 1TL |
| **Tổng số điểm** | | |  | 4,0đ | 3,0đ | 2,0đ | 1,0đ |
| **Tỉ lệ %** | | |  | 40 | 30 | 20 | 10 |

Ghi chú: (1\*) Mức độ vận dụng thấp chọn một trong hai ý.

(1\*\*) Mức độ vận dụng cao chọn một trong hai ý

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người xây dựng ma trận, đặc tả đề**  (*Ký và họ tên*) | **Người thẩm định**  (*Ký và họ tên*) | **Xác nhận của lãnh đạo PGD**  (*Ký và họ tên*) |
| **Nông Lan Phương** | **Bùi Xuân Tuấn** | **Đường Mạnh Hà** |